

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2024

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Đức Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Thu Nga.

2. Ông Đinh Hồng Sâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đinh Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

2. *Bị đơn:* Chị Lô Thị P, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đinh Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Lô Thị P tự tìm hiểu và tự nguyện tiến tới chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, sau đó mới tiến hành

đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 18/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Q, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh T đi làm ăn xa thì vợ ở nhà dùng điện thoại liên lạc với người đàn ông khác thì bị anh T phát hiện nên hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cự cãi. Khi mâu thuẫn thì chị P bỏ con về nhà cha mẹ của chị P để sinh sống. Anh T đã nhiều lần động viên chị P quay về để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Anh T và chị P đã ly thân từ khoảng năm 2015 đến nay, khi ly thân, anh T đã cố gắng liên lạc với chị P để động viên chị P quay về nhưng không được. Hiện tại, anh T được biết chị P đã chung sống với người đàn ông khác như vợ chồng.

Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị P.

- Về con chung: anh T và chị P có 01 con chung tên Đinh Lô Chấn K, sinh ngày 14/5/2009, hiện đang sống với chị P. Khi ly hôn, anh T đồng ý cho chị P được nuôi dưỡng con chung, không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được do chị P không đến Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Ngày 14/8/2024, Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với anh T và chị P Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị P vẫn vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa với lý do vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa:

Anh Đinh Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Văn T. Về quan hệ hôn nhân: anh Đinh Văn T được ly hôn với chị Lô Thị P; về con chung: chị Lô Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đinh Lô Chấn K, sinh ngày 14/5/2009, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Về án phí: anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, chị Lô Thị P có địa chỉ đăng ký thường trú tại thôn Q, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình và Biên bản xác minh ngày 22/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa thể hiện chị Lô Thị P có địa chỉ đăng ký thường trú tại địa chỉ nêu trên nhưng thường vắng mặt tại địa phương; khi đi, chị P không trình báo với chính quyền địa phương nên nơi cư trú hiện nay của chị P thì địa phương không xác định được. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án xác định nơi cư trú cuối cùng của chị Lô Thị P là thôn Q, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Anh Đinh Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn với chị Lô Thị P là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, chị Lô Thị P có nơi cư trú tại thôn Q, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Tại phiên tòa, anh Đinh Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đinh Văn T.

[1.4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Lô Thị P theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị Lô Thị P vắng mặt không có lý do chính đáng và không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Văn T nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Tại phiên tòa, chị Lô Thị P đã được triệu tập hợp lệ 02 (hai) lần để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Lô Thị P.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân: anh T và chị P tự tìm hiểu, tự nguyện tiến tới chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, đến ngày 18/10/2010 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Lý do đăng ký kết hôn muộn là do hạn chế hiểu biết pháp luật và tại thời điểm về chung sống với nhau thì anh T chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, quá trình chung sống, chị P có liên lạc với người đàn ông khác thì bị anh T phát hiện, sau khi phát hiện thì vợ chồng cự cãi, mâu thuẫn, chị P bỏ về nhà cha mẹ đẻ để sinh sống. Mâu thuẫn trở nên gay gắt nên từ khoảng năm 2015, vợ

chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị P không có thiện chí hàn gắn và quay về chung sống với anh T, mặc dù anh T đã tìm cách liên lạc và động viên. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh T yêu cầu ly hôn với chị P.

Xét thấy, anh Đinh Văn T và chị Lô Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị Lô Thị P đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh T và chị P theo quy định của pháp luật nhưng chị P vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không hòa giải được, thể hiện chị P không còn thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị P nên lời trình bày của anh T về tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị P là có cơ sở chấp nhận. Đã có đủ căn cứ để xác định hôn nhân giữa anh T và chị P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc anh T yêu cầu ly hôn với chị P phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với quan hệ con chung: anh Đinh Văn T và chị Lô Thị P có 01 con chung tên Đinh Lô Chấn K, sinh ngày 14/5/2009, hiện nay đang sống cùng với chị P. Khi ly hôn, anh T đồng ý cho chị P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc giao con chung là người chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi anh T và chị P ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về thể chất lẫn tinh thần. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu K theo quy định của pháp luật nhưng do cháu K và chị P vắng mặt tại địa phương nên Tòa án không thể ghi nhận được ý kiến của cháu K. Tuy nhiên, căn cứ lời trình bày của anh T, từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu K sinh sống với chị P cho đến nay nên tình cảm của cháu đã gắn liền với người nuôi dưỡng; quá trình sinh sống với chị P, cháu K vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy việc anh T đồng ý để chị P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Đinh Lô Chấn K khi vợ chồng ly hôn phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Lô Thị P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn nên anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng chị P vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét là phù hợp với Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Đối với quan hệ tài sản chung, nợ chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3]. Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: anh Đinh Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 51, 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Văn T:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Đinh Văn T và chị Lô Thị P.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 32/2010, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 18/10/2010 cho anh Đinh Văn T và chị Lô Thị P không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về quan hệ con chung: giao con chung là Đinh Lô Chấn K, sinh ngày 14/5/2009 cho chị Lô Thị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom đến cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có

quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Đinh Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0000570 ngày 30/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/8/2024).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- Đương sự;
- UBND xã Hồng Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Đức Cảnh